

BÁO CÁO

Tổng kết công tác bảo đảm an toàn thực phẩm của ngành Y tế năm 2018

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO

1. Về xây dựng, phát triển tổ chức mạng lưới

- Tuyến tỉnh: Sở Y tế có 01 cán bộ Phòng Nghiệp vụ Y kiêm nhiệm làm công tác quản lý an toàn thực phẩm (ATTP). Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh có tổng số 17 biên chế, trong đó có 12 người làm công tác quản lý ATTP.

- Tuyến huyện: Hiện nay, Phòng Y tế có 01 chuyên trách làm công tác ATTP; Trung tâm Y tế có 01 chuyên trách làm công tác ATTP.

- Tuyến xã: Mỗi Trạm Y tế có 01 cán bộ kiêm nhiệm về ATTP.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Tham mưu UBND tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành tỉnh về VSATTP:

Sở Y tế đã tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành tỉnh về vệ sinh ATTP ban hành các văn bản để chỉ đạo điều hành công tác ATTP của tỉnh như:

- UBND tỉnh đã ban hành các văn bản: Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Mậu Tuất và mùa Lễ hội Xuân 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 về việc ban hành Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 về việc Ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2018; Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về vệ sinh an toàn thực phẩm; Quyết định số 4481/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về việc Ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Ban chỉ đạo liên ngành tỉnh về VSATTP ban hành Kế hoạch số 04/KH-BCĐ ngày 05/01/2018 về việc Thanh tra liên ngành an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018; Kế hoạch số 20/KH-BCĐ ngày 06/4/2018 về việc thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2018; Kế hoạch số 21/KH-BCĐ ngày 11/4/2018 về việc tổ chức

Hội nghị triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 44/KH-BCĐ ngày 04/9/2018 về việc thanh tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2018.

b) Sở Y tế:

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ATTP thuộc lĩnh vực Ngành Y tế, Sở Y tế đã ban hành các văn bản như: Quyết định số 69/QĐ-SYT ngày 12/01/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm của Ngành Y tế năm 2018; Quyết định số 1721/QĐ-SYT ngày 06/12/2017 về việc Phê duyệt Kế hoạch Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về ATTP năm 2018; Quyết định số 70/QĐ-SYT ngày 12/01/2018 về việc thanh tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018; Quyết định số 994/QĐ-SYT ngày 11/4/2018 về việc thanh tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong “Tháng hành động vì An toàn thực phẩm” năm 2018; Quyết định số 1194/QĐ-SYT ngày 04/5/2018 về việc thanh tra chuyên ngành tại các cơ sở sản xuất nước uống đóng chai trên địa bàn tỉnh năm 2018; Quyết định số 2280/QĐ-SYT ngày 27/7/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước của Dự án 8 - Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế (An toàn thực phẩm) thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số đợt 1 năm 2018; Quyết định 2591/QĐ-SYT ngày 31/7/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước của Dự án 4 - An toàn thực phẩm thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số Đợt 1 năm 2018; Quyết định số 2869/QĐ-SYT ngày 04/9/2018 về việc thanh tra liên ngành về ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2018; Kế hoạch số 19/KH-SYT ngày 05/4/2018 về việc triển khai hoạt động “Tháng hành động vì An toàn thực phẩm” năm 2018 của ngành Y tế...

Ngoài ra, Sở Y tế đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm Y tế và Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các hoạt động bảo đảm ATTP phục vụ Tết Nguyên đán, “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”, Tết Trung thu và các dịp lễ hội, mùa hè, mùa mưa lũ, các sự kiện lớn trong năm.

c) Cấp huyện, xã: Ban chỉ đạo liên ngành về VSATTP các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng các văn bản chỉ đạo, triển khai kịp thời các hoạt động bảo đảm ATTP trên địa bàn quản lý; các Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP xã, phường, thị trấn đã tăng cường công tác kiểm tra về ATTP trong năm 2018 trên địa bàn. 11/11 huyện, thị xã thành phố và 159/159 xã, phường, thị trấn của tỉnh có quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo liên ngành về VSATTP.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN

1. Thống kê quản lý cơ sở

- Các địa phương đều có danh sách thống kê, phân loại, cập nhật thông tin cơ sở thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

Bảng 1. Thông tin chung về cơ sở thực phẩm

Thông tin cơ sở thực phẩm		Tuyến xã	Tuyến huyện	Tuyến tỉnh	Tổng cộng
Loại hình cơ sở	Sản xuất, chế biến	-	-	301	301
	Kinh doanh thực phẩm	-	-	13	13
	Dịch vụ ăn uống	4.153	1.686	325	6.164
	Cộng	4.153	1.686	639	6.478

- Đa số cơ sở thực phẩm trên địa bàn có quy mô nhỏ, hộ gia đình, kinh doanh thức ăn đường phố. Các cơ sở thực phẩm có đăng ký kinh doanh được thống kê, cập nhật kịp thời, quản lý tương đối thuận lợi. Tuy nhiên bếp ăn tập thể trong các xí nghiệp, nhà máy còn phát triển tự phát, cơ sở thức ăn đường phố và các cơ sở thực phẩm nhỏ lẻ không đăng ký kinh doanh thường xuyên biến động, rất khó thống kê, cập nhật kịp thời nên vấn đề kiểm soát hoạt động của các cơ sở này còn nhiều khó khăn. Số cơ sở kinh doanh bếp ăn tập thể, chế biến xuất ăn sẵn trên toàn tỉnh là 446, trong đó, bếp ăn trường học là 378 (*tuyến tỉnh quản lý 72 cơ sở*); bếp ăn tập thể các khu công nghiệp là 68 (*tuyến tỉnh quản lý là 31 cơ sở*).

2. Hoạt động cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

Số cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP trên toàn tỉnh là 1.739/2.325 cơ sở, tỷ lệ 74,8%; trong đó, cơ sở do tuyến tỉnh quản lý là 593/639 (*sản xuất là 262/301, kinh doanh thực phẩm là 09/13, dịch vụ ăn uống là 322/325*), đạt tỷ lệ là 92,8%; tuyến huyện quản lý 1.146/1.686 đạt tỷ lệ là 68%.

Bảng 2. Kết quả cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

STT	Loại hình	Chứng nhận	Tuyến huyện	Tuyến tỉnh	Tổng cộng
1	Sản xuất	Cấp mới	/	71	71
2		Luỹ cấp/Tổng số	/	262/301	262/301
3		Tỷ lệ %	/	87	87
4	Kinh doanh	Cấp mới	/	0	0
5		Luỹ cấp/Tổng số	/	09/13	09/13
6		Tỷ lệ %	/	69.2	69.2
7	Dịch vụ ăn uống	Cấp mới	143	97	235
8		Luỹ cấp/Tổng số	1.146/1.686	322/325	1.468/2.011
9		Tỷ lệ %	68	99.1	73
10	Tổng cộng	Cấp mới	143	168	311
11		Luỹ cấp	1.146/1.686	593/639	1.739/2.325
12		Tỷ lệ %	68	93	75.8

- Sự phân công, phân cấp rõ ràng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý cơ sở.

- Hoạt động cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP do tuyến tỉnh quản lý được triển khai tốt. Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đạt chỉ tiêu đề ra. Đa số cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận tuyến tỉnh đều được hoàn tất các thủ tục liên quan trước khi sản xuất, kinh doanh. Điều kiện vệ sinh ATTP của các cơ sở được duy trì, cải thiện đáng kể; ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP của chủ cơ sở ngày càng nâng cao.

3. Hoạt động cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Giấy xác nhận nội dung quảng cáo

Đã cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy/xác nhận công bố phù hợp quy định về ATTP cho 61 sản phẩm. Ngoài ra, từ ngày 02/02/2018 đến nay, đã cấp 07 giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, 02 giấy xác nhận nội dung quảng cáo và tiếp nhận 280 bản tự công bố của các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về ATTP

Bảng 3. Tổ chức đoàn thanh tra, kiểm tra

TT	Tuyến	Tổng số đoàn	Đoàn liên ngành	Đoàn chuyên ngành
1	Xã	545	494	51
2	Huyện	53	46	7
3	Tỉnh	17	9	8
Cộng		615	549	66

Bảng 4. Kết quả thanh tra, kiểm tra đoàn liên ngành và chuyên ngành

TT	Cơ sở thực phẩm	Số cơ sở được kiểm tra, thanh tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ (%)
1.	Sản xuất chế biến	506	449	88,7
2.	Kinh doanh thực phẩm	1.732	1.619	93,5
3.	Dịch vụ ăn uống	4.133	3.761	91,0
Cộng (1+2 +3)		6.371	5.829	91,5
4.	Cơ sở vi phạm	542		
5.	Xử lý			
	CS bị cảnh cáo	0		
	CS bị phạt tiền	120		
	Số tiền	350.400.000đồng		
	CS bị hủy SP	0		
	CS bị đóng cửa	0		
	Khác (Nhắc nhở)	422		

Trong năm 2018, toàn tỉnh đã tổ chức 615 đoàn thanh tra, kiểm tra, tiến hành thanh kiểm tra 6.371 cơ sở; kết quả, có 5.829 cơ sở đạt (*tỉ lệ 91,5%*), có 542 cơ sở vi phạm (*tỉ lệ 8,5%*), trong đó số cơ sở vi phạm bị xử lý là 120 cơ sở với số tiền phạt 350.400.000 đồng, 422 cơ sở cơ sở vi phạm bị nhắc nhở (*không phạt tiền*).

a) Tuyển tỉnh:

- Tổ chức 17 đoàn thanh, kiểm tra; trong đó có 09 đoàn thanh, kiểm tra liên ngành, thành phần đoàn gồm các Sở: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh,...; đã tiến hành thanh tra tại các cơ sở thực phẩm trên địa bàn toàn tỉnh vào các chiến dịch: Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, Tết Trung thu 2018.

Thanh, kiểm tra chuyên ngành của Chi cục ATVSTP đã tổ chức 07 đoàn; thanh, kiểm tra thường xuyên tại các cơ sở thuộc ngành Y tế quản lý và tổ chức 01 đoàn kiểm tra hậu kiểm các cơ sở sản xuất nước uống đóng chai và đá lạnh viên. Các đoàn đã thanh, kiểm tra 441 cơ sở, kết quả có 380 cơ sở đạt (*tỉ lệ 86,2 %*), vi phạm 61 cơ sở (*tỉ lệ 13,8%*), phạt tiền 61 cơ sở với tổng số tiền phạt 229.750.000 đồng.

b) Tuyển huyện, xã:

Công tác kiểm tra ATTP đã được duy trì trong các đợt cao điểm và theo kế hoạch thường xuyên ở tuyến huyện, tuyến xã, cụ thể:

- Tuyển huyện: đã tổ chức 53 đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra 1.095 cơ sở, kết quả có 1.007 cơ sở đạt (*tỉ lệ 92%*), vi phạm 88 cơ sở (*tỉ lệ 8%*), phạt tiền 59 cơ sở với tổng số tiền phạt 120.650.000 đồng; nhắc nhở, không xử lý vi phạm 29 cơ sở (*tỉ lệ 2,6%*).

- Tuyển xã: đã tổ chức 545 đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra 4.835 cơ sở, kết quả có 4.442 cơ sở đạt (*tỉ lệ 91,9%*), vi phạm 393 cơ sở (*tỉ lệ 8,1%*) nhưng không xử lý, chỉ nhắc nhở. Công tác kiểm tra ở tuyến xã đã được duy trì; tuy nhiên, việc xử lý phạt tiền đối với cơ sở vi phạm ở tuyến xã chưa được thực hiện; các đoàn kiểm tra chỉ nhắc nhở, hướng dẫn cơ sở thực hiện đúng các quy định là chủ yếu.

5. Hoạt động tuyên truyền giáo dục

- Tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ và phát động “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2018 với số lượng hơn 200 người tham dự là đại diện lãnh đạo của UBND tỉnh, huyện, các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể; lãnh đạo Trung tâm Y tế, Phòng Y tế, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế các huyện, thị, thành phố và đại diện các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh; kết hợp tổ chức xe loa truyền truyền tại thành phố Quy Nhơn và các huyện Tuy Phước, An Nhơn, Tây Sơn.

- Phối hợp với Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức 05 hội thảo cho 250 đại biểu thuộc các sở, ngành liên quan, Ban chấp hành Hội LHPN tỉnh, đại biểu Hội LHPN

các huyện, thị, thành phố, đại diện hội viên phụ nữ có gia đình tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Tuyển huyện: có 03 huyện (An Lão, Hoài Nhơn, Phù Mỹ) tổ chức Lễ phát động triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” với hơn 1.700 người tham dự; 10 huyện tổ chức Hội nghị triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”; 11/11 huyện tổ chức xe loa cổ động qua các trục đường chính trên địa bàn.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông về ATTP vào dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất và mùa Lễ hội Xuân 2018, “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”, Tết Trung thu. Việc tuyên truyền diễn ra với nhiều hình thức, nội dung phong phú. Ngoài ra, đã phối hợp với Viện Pasteur Nha Trang tổ chức lớp tập huấn cấp chứng chỉ lấy mẫu thực phẩm cho trên 30 học viên; phối hợp với Trường Đại học Y Dược Thái Bình và Cục An toàn thực phẩm tổ chức Khóa đào tạo chứng chỉ quản lý ATTP cho 52 cán bộ tuyển tỉnh và huyện làm công tác quản lý ATTP.

Bảng 5. Truyền thông giáo dục

TT	Hoạt động	Đơn vị tính	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển tỉnh	Tổng cộng
1	Lễ phát động	Buổi	0	0	1	1
		Người dự	0	0	200	200
2	Nói chuyện chuyên đề	Buổi	339	362	0	701
		Người nghe	10.045	14.703	0	24.748
3	Xác nhận kiến thức về ATTP	Lớp	29	113	16	158
		Học viên	1.196	4.080	1.268	6.544
4	Hội thảo	Buổi/ người dự	0	8/360	3/300	11/660
5	Phát thanh	Bài/Lượt phát	1.718/5.154	120/6.064	4/45	1.842/11.263
6	Truyền hình	Lượt phát	0	0	3/45	3/45
7	Băng rôn	Cái	454	95	175	724
8	Áp phích	Tờ	315	204	2.000	2.519
9	Tờ rơi, tờ gấp	Tờ	1.645	1.879	25.000	28.524
10	Pa-nô	Cái	0	1	9	10
12	Băng, đĩa	Cái	636	44	46	726
13	Khác: Tạp chí ATTP	Cuốn	0	0	1.000	1.000

6. Giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm (Số liệu tại Phụ lục 1 kèm theo)

a) Công tác giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm:

- Tuyến tỉnh: Đã thực hiện Kế hoạch Giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm với tổng số mẫu giám sát là 1.711 mẫu (*trong đó, xét nghiệm tại labo 111 mẫu, xét nghiệm nhanh 1.600 mẫu*), số mẫu không đạt là 160 mẫu (*tỷ lệ 9,5%*). Ngoài ra, các đoàn thanh tra, kiểm tra về ATTP đã tiến hành lấy 33 mẫu sản phẩm nước uống đóng chai và 01 mẫu nước đá dùng liền của các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh để kiểm nghiệm một số chỉ tiêu vi sinh, kết quả có 25 mẫu (*24 mẫu nước uống đóng chai và 01 mẫu nước đá dùng liền*) có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt, 08 mẫu có kết quả chỉ tiêu Coliform không đạt và 01 mẫu có kết quả chỉ tiêu Coliform và E.coli không đạt.

- Tuyến huyện: Trung tâm Y tế các huyện, thị, thành phố đã thực hiện lấy mẫu Giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm với 1.510 mẫu, trong đó có 07/71 mẫu dầu/mỡ đã qua chế biến dương tính với chỉ tiêu độ ôi khét của dầu mỡ (*tỷ lệ 9,9%*).

b) Công tác giám sát, hướng dẫn chuyên môn tuyến dưới và giám sát cơ sở thực hiện các điều kiện ATTP:

- Tuyến tỉnh: Chi cục ATVSTP đã thực hiện giám sát, hướng dẫn chuyên môn cho 11/11 huyện, thị, thành phố theo Kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2018.

- Tuyến huyện: 11/11 huyện đã lập kế hoạch đảm bảo công tác ATTP năm 2018 và thực hiện theo từng mục tiêu cụ thể, thực hiện ghi chép theo dõi, cập nhật hồ sơ quản lý cơ sở theo phân cấp. Công tác theo dõi ngộ độc thực phẩm (NĐTP), báo cáo NĐTP, báo cáo tháng được theo dõi thường xuyên và báo cáo cho tuyến trên tương đối đầy đủ và đúng thời gian. Trong năm 2018, có 10/11 huyện (*trừ Vĩnh Thạnh*) đã thực hiện giám sát cơ sở thực phẩm, tổng số cơ sở được giám sát là 4.787 cơ sở (*tuyến huyện 1.818 cơ sở, tuyến xã 2.969 cơ sở*), kết quả có 3.935 cơ sở đạt các chỉ tiêu giám sát (*tỷ lệ 82,2%*), 852 cơ sở có vi phạm được nhắc nhở và yêu cầu khắc phục.

c) Tình hình ngộ độc thực phẩm:

Trong năm 2018, công tác phòng chống NĐTP đã được triển khai với nhiều biện pháp như: Giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm ở tuyến tỉnh và huyện để cảnh báo sớm về nguy cơ NĐTP; công tác giám sát hướng dẫn các cơ sở thực hiện các biện pháp bảo đảm ATTP ở cả tuyến tỉnh, huyện và xã; công tác tuyên truyền được triển khai bằng nhiều hình thức ở các cấp; công tác thanh, kiểm tra ATTP cũng được tăng cường.

Tuy nhiên, trong năm 2018, đã xảy ra 04 vụ NĐTP, với 212 người mắc, trong đó có một người bị tử vong do ăn phải Ốc bùn răng cưa mà gia đình tự đánh bắt tại vùng biển xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn; 02 trường hợp ngộ độc nấm tự hái trong rừng ở huyện Vĩnh Thạnh và 01 vụ trên 30 người mắc (*201 người*) xảy ra tại Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát, huyện Hoài Nhơn. Tỷ lệ ca NĐTP là 14/100.000 dân.

7. Công tác xây dựng mô hình điểm *(Số liệu tại Phụ lục 2 kèm theo)*

- Có 8/11 huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng và triển khai thực hiện mô hình điểm về đảm bảo ATVSTP đối với loại hình thức ăn đường phố, tổng số 11 mô hình đã triển khai tại 02 phường, 05 thị trấn và 04 xã.

- Công tác tuyên truyền, tư vấn hướng dẫn, phổ biến các quy định của pháp luật về ATTP được quan tâm, đẩy mạnh; công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật tại các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố đã được tăng cường, nhờ đó đã tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức và thực hành của phần lớn người kinh doanh thức ăn đường phố; điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ, điều kiện về nguyên liệu chế biến thực phẩm... đã được cải thiện rõ rệt, về cơ bản đạt được trên 85% các tiêu chí đề ra trong quá trình kiểm soát ATTP đối với kinh doanh thức ăn đường phố.

+ Đầu kỳ, tỷ lệ số cơ sở đạt 10 tiêu chí thức ăn đường phố thấp, trong đó, tỷ lệ cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố có nhân viên được khám sức khỏe định kỳ chỉ đạt 19%, được xác nhận kiến thức về ATTP 18%; có sổ sách ghi chép nguồn gốc thực phẩm 8%; có dụng cụ xúc, gấp thực phẩm sạch sẽ hoặc găng tay sử dụng một lần khi tiếp xúc trực tiếp với thức ăn chín 72%; có trang bị dụng cụ chứa đựng chất thải, rác thải kín hợp vệ sinh đạt 56%.

+ Cuối kỳ, tỷ lệ số cơ sở đạt 10 tiêu chí thức ăn đường phố đã được tăng cao, trong đó, tỷ lệ cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố có nhân viên được khám sức khỏe đạt 98%, được xác nhận kiến thức về ATTP 99%; có nơi kinh doanh sạch sẽ, cách biệt nguồn ô nhiễm và bày bán thức ăn trên bàn/giá cao cách mặt đất ít nhất 60cm đạt 97%; có sổ sách ghi chép nguồn gốc thực phẩm đạt 89%; có dụng cụ xúc, gấp thực phẩm sạch sẽ hoặc găng tay sử dụng một lần khi tiếp xúc trực tiếp với thức ăn chín 96%; có trang bị dụng cụ chứa đựng chất thải, rác thải kín hợp vệ sinh đạt 95%...

- Không có vụ NDTP do thức ăn đường phố xảy ra trên địa bàn xã, phường, thị trấn trong thời gian triển khai mô hình.

8. Công tác tăng cường năng lực kiểm nghiệm thực phẩm

Trung tâm Y tế Dự phòng (nay là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) đã triển khai các nội dung như: Chuẩn hóa phòng kiểm nghiệm; mua chất chuẩn, chủng chuẩn theo quy định; hiệu chuẩn các loại trang thiết bị; mua hóa chất môi trường dùng kiểm nghiệm; sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị, mua vật tư; thực hiện nội kiểm và tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo, liên phòng; cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất đảm bảo hoạt động theo đúng quy định tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2005.

9. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Dự án đảm bảo ATTP

Bảng 6. Thực hiện chỉ tiêu các hoạt động thuộc dự án bảo đảm ATTP

	Nội dung	Chỉ tiêu 2018	Thực hiện
1	Hoạt động phòng chống NDTP và các bệnh truyền qua thực phẩm		
1.1	Tỷ lệ ca NDTP/100.000 người dân trong các vụ NDTP được báo cáo	≤ 7	14
1.2	Tỷ lệ các cơ sở tuyến tỉnh thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	85%	93
1.3	Tỷ lệ cơ sở tuyến huyện thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	70%	68%
1.4	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được thanh, kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP	80%	91,5%
1.5	Tỷ lệ cơ sở trên địa bàn tỉnh được thanh, kiểm tra ít nhất 1 lần/năm	90%	99%
2	Hoạt động Nâng cao năng lực quản lý & Truyền thông ATTP		
2.1	Tỷ lệ cán bộ quản lý về ATTP tại tuyến tỉnh, huyện được cập nhật văn bản và kiến thức về ATTP thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tập huấn, các buổi sinh hoạt Đảng	100%	100%
2.2	Tỷ lệ cán bộ quản lý về ATTP tuyến tỉnh được cập nhật văn bản và kiến thức về ATTP thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tập huấn do trung ương tổ chức.	30%	30%
2.3	Tỷ lệ các huyện, thị, thành phố được kiểm tra, giám sát thực hiện triển khai các hoạt động về ATTP	100%	100%
2.4	Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn được kiểm tra, giám sát thực hiện triển khai các hoạt động về ATTP	80%	85%
2.5	Tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm có kiến thức về ATTP	76%	82%
2.6	Tỷ lệ người quản lý có kiến thức về ATTP	90%	91%
2.7	Tỷ lệ người tiêu dùng có kiến thức và hiểu biết đúng về ATTP	80%	81%
2.8	Tỷ lệ số xã, phường, thị trấn tổ chức hoạt động tuyên truyền ATTP	100%	100%
3	Hoạt động tăng cường năng lực kiểm nghiệm thực phẩm cho Trung tâm Y tế dự phòng để tiến đến đạt chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2005		
	Duy trì và mở rộng thêm chỉ tiêu kiểm nghiệm được công nhận theo TCVN ISO/IEC 17025:2017; được Cục An toàn thực phẩm chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực An toàn thực phẩm.	Hoàn thiện	Đang thực hiện

10. Kinh phí

Tổng kinh phí từ nguồn sự nghiệp Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số đã thực hiện: 2.978.546.000 đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.684.271.000 đồng.
- Ngân sách địa phương: 294.275.000 đồng.

Ngoài ra, các đơn vị, địa phương đã sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện các nội dung công tác ATTP.

III. NHẬN XÉT.

1. Ưu điểm

- Có sự phối hợp đồng bộ của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng dân cư trong công tác bảo đảm ATTP nên các hoạt động bảo đảm ATTP ở các địa phương trong tỉnh đã đạt được những kết quả cao, góp phần bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về ATTP ngày càng được chú trọng. Hoạt động truyền thông được đa dạng hoá với nhiều hình thức, xây dựng các thông điệp, sản xuất tài liệu truyền thông phù hợp với từng đối tượng; kết hợp huy động các kênh truyền thông, các ban ngành, đoàn thể tham gia công tác truyền thông giáo dục về ATTP và phát huy vai trò của hệ thống phát thanh tuyến xã, tăng cường truyền thông trực tiếp, hướng dẫn thực tế tại các cơ sở thực phẩm đã góp phần tác động lớn đến nhận thức của chủ cơ sở, người quản lý, người trực tiếp tham gia vào sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra ATTP trên địa bàn tỉnh cũng được tăng cường thường xuyên, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm. Đa số các cơ sở được kiểm tra đều đảm bảo các điều kiện ATTP theo quy định: các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thường xuyên vệ sinh cơ sở, người lao động tại các cơ sở được khám sức khỏe và xác nhận kiến thức về ATTP định kỳ, được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và thực hành ATTP đúng theo quy định; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống sử dụng nguồn nước đảm bảo ATTP và được kiểm nghiệm định kỳ theo quy định, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm sử dụng trong sản xuất chế biến thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng.

- Công tác bảo đảm ATTP trong ăn uống, thức ăn đường phố, bếp ăn tập thể, nhất là tại các khu công nghiệp, khu du lịch, lễ hội, sự kiện lớn tiếp tục được chú trọng.

Những kết quả đạt được đã góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý ATTP, kiểm soát chất lượng VSATTP từ sản xuất đến tiêu thụ, kịp thời cảnh báo, tạo điều kiện để người tiêu dùng có cơ hội lựa chọn những sản phẩm an toàn; nâng cao ý thức chấp hành các quy định về ATTP của người sản xuất, kinh doanh

thực phẩm; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần răn đe, ngăn chặn các đối tượng vì lợi nhuận mà cố tình vi phạm các quy định về ATTP.

2. Một số khó khăn, tồn tại

- Kinh phí, nhân lực bố trí cho công tác quản lý ATTP, nhất là công tác kiểm tra ATTP của một số huyện chưa đầy đủ nên việc triển khai công tác này chưa thường xuyên, nhiều cơ sở vi phạm điều kiện bảo đảm ATTP chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Quy mô sản xuất, kinh doanh của các cơ sở trên địa bàn tỉnh còn theo mùa vụ, nhỏ lẻ, hộ gia đình, ý thức chấp hành các cơ sở về các quy định nhà nước về ATTP chưa tốt, vẫn còn tình trạng né tránh, đối phó với các đoàn kiểm tra và cơ quan quản lý nhà nước về ATTP.

- Việc xử lý các vi phạm về ATTP đối với cơ sở nhỏ lẻ, cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố của UBND cấp xã chưa nghiêm, hình thức chủ yếu là nhắc nhở nên chưa tạo được ý thức chấp hành pháp luật của loại hình cơ sở này.

- Tình hình ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh chưa được kiểm soát tốt, trong năm 2018, đã xảy ra 04 vụ ngộ độc thực phẩm, với 212 người mắc, trong đó có một người bị tử vong do ngộ độc thực phẩm.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

- Bộ Y tế sớm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 115/N2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định 155/N2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.

- Cục An toàn thực phẩm tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị chuyên môn của tỉnh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATTP.

- Tăng đầu tư kinh phí, trang thiết bị đo kiểm lưu động, tài liệu truyền thông để hỗ trợ cho công tác bảo đảm ATTP.

2. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Bố trí thêm kinh phí cho hoạt động quản lý ATTP ở địa phương, nhất là công tác kiểm tra ATTP.

- Kiện toàn kịp thời Ban chỉ đạo Liên ngành về VSATTP tuyến huyện và tuyến xã theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Ban chỉ đạo phải có quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên.

- Tăng cường công tác quản lý ATTP trên địa bàn, nhất là quản lý đối với các loại hình sản xuất, kinh doanh đã được phân công, phân cấp.

- Chỉ đạo Phòng Y tế phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện hành vi vi phạm về ATTP, yêu cầu thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các cơ sở vi phạm trên địa bàn mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

3. Đối với Phòng Y tế, Trung tâm Y tế

- Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật về ATTP; truyền thông ATTP, phòng chống NĐTP.

- Củng cố mạng lưới giám sát NĐTP, phối hợp với giám sát dịch bệnh, giám sát giữa các tuyến để đảm bảo phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp NĐTP.

- Tăng cường công tác kiểm tra về ATTP; xử lý, kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật.

- Tăng cường công tác cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc đối tượng cấp.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát, hướng dẫn cho tuyến xã về công tác kiểm tra ATTP, quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Cục ATTP;
- Viện Pasteur Nha Trang;
- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, tx, tp;
- Chi cục ATVSTP;
- TT Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Phòng Y tế các huyện, tx, tp;
- TTYT các huyện, tx, tp;
- TTTĐT Sở;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Trung



BẢNG 1. KẾT QUẢ GIÁM SÁT MÔI NGUY Ô NHIỄM THỰC PHẨM TUYỂN TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 13 /BC-SYT ngày 17 /01/2019 của Sở Y tế)

TT	Tên thực phẩm giám sát	Số lượng mẫu	Số mẫu không đạt	Kết quả giám sát các chỉ tiêu kiểm nghiệm																	
				Coliforms		S.aureus		E.coli		Natri Benzoate		Tinopal		Phẩm màu		Hàn the		Fooc môn		Độ ôi khét	
				Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt
1	Mực rim	217	1	17	1									200	0						
2	Chả cá	217	40	17	3											200	37				
3	Nem chua	200	0											200	0	200	0				
4	Tương ớt	217	0	17	0	17	0							200	0						
5	Bún tươi	215	0									15	0			200	0	200	0		
6	Thịt chế biến sẵn ăn ngay	215	4	15	4			15	3												
7	Chả lụa	215	59					15	1	15	0					200	58	200	0		
8	Dầu/mỡ đã chế biến	200	55																	200	55
9	Xuất ăn sẵn	15	1	15	1			15	0												
Tổng cộng		1.711	160	81	9	17	0	45	4	15	0	15	0	600	0	800	95	400	0	200	55



BẢNG 2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT MỐI NGUY Ô NHIỄM THỰC PHẨM TUYẾN HUYỆN

(Kèm theo Báo cáo số 13 /BC-SYT ngày 17 /01/2019 của Sở Y tế)

Tên mẫu giám sát	Chỉ tiêu	Tổng số mẫu giám sát	Tổng số mẫu không đạt	Quy Nhơn		Tuy Phước		Vân Canh		An Nhơn		Phù Cát		Phù Mỹ		Hoài Nhơn		Hoài Ân		An Lão		Tây Sơn		Vĩnh Thạnh	
				Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt
Thịt chế biến sẵn ăn ngay	Hàn the	17	0	15	0															2	0				
	Phẩm màu	12	0					12	0																
Bún, bánh phở, bánh canh, bánh hỏi, mỳ quảng...	Hàn the	473	0	120	0	50	0	10	0			17	0	14	0	61	0	41	0	40	0	104	0	16	0
	Foocmol	57	0					9	0	5	0	17	0	11	0					15	0				
Chả lụa, chả thủ, chả bò, chả cá...	Hàn the	427	0	50	0	78	0	11	0	18	0	34	0	38	0	24	0	31	0	63	0	56	0	24	0
	Foocmol	38	0					11	0			17	0	10	0										
Dầu/mỡ đã chiên	Độ ôi khét	71	07	10	4			8	0	6	0	10	0			11	3	10	0			16	0		
Khác (Tương ớt, nem chua, rau...)	(Phẩm màu, thuốc trừ sâu)	415	0			64	0			51	0	24	0	60	0	104	0	50	0			12	0	50	0
		1.510	07	195	4	192	0	61	0	80	0	119	0	133	0	200	3	132	0	120	0	188	0	90	0



**BẢNG 3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT, HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN TUYỂN XÃ
VÀ GIÁM SÁT CƠ SỞ THỰC PHẨM CỦA TUYỂN HUYỆN**
(Kèm theo Báo cáo số 13 /BC-SYT ngày 17 /01/2019 của Sở Y tế)

TT	Nội dung	Quy Nhơn		Tuy Phước		Vân Canh		An Nhơn		Phù Cát		Phù Mỹ		Hoài Nhơn		Hoài Ân		An Lão		Tây Sơn		Vĩnh Thạnh			
		Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không		
1	Giám sát hướng dẫn chuyên môn tuyển xã																								
1.1	VB chỉ đạo, thực hiện	21/21		13/13		7/7		15/15		18/18		19/19		17/17		15/15		10/10		15/15		9/9			
1.2	KH triển khai THĐ	21/21		13/13		7/7		15/15		18/18		17/19		17/17		15/15		10/10		15/15		9/9			
1.3	Công tác truyền thông	21/21		13/13		7/7		15/15		18/18		19/19		17/17		15/15		10/10		15/15		9/9			
1.4	Kiểm tra, giám sát cơ sở	21/21		13/13		7/7		15/15		18/18		19/19		17/17		15/15		10/10		15/15		9/9			
1.5	Có thành lập BCD	21/21		13/13		7/7		15/15		18/18		19/19		17/17		15/15		10/10		15/15		9/9			
2	Kết quả giám sát CS	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tổng tuyển xã	Tổng tuyển huyện
2.1	Số CS kiểm tra	624	337	94	160	128	33	528	283	94	54	243	225	681	241	84	57	115	126	378	302	0	0	2.969	1.818
2.2	Số CS đạt	576	291	82	119	102	15	528	283	54	36	173	184	628	211	78	26	16	26	305	202	0	0	2.542	1.393
2.3	Tỷ lệ đạt (%)	92.3	86.4	87.2	74.4	79.7	45.5	100.0	100.0	57.4	66.7	71.2	81.8	92.2	87.6	92.9	45.6	13.9	20.6	80.7	66.9	0	0	85.6	76.6
2.4	Số CS vi phạm:	48	46	12	41	26	18	0	0	40	18	70	41	53	30	6	31	99	100	73	100	0	0	427	425
	Số CS chỉ nhắc nhở và yêu cầu khắc phục theo thời gian trong biên bản	48	46	4	25	26	18			40	18	70	41	53	30	6	31	90	100	73	100			419	409
	Số CS không khắc phục và đã đề xuất kiểm tra, xử lý																							0	0
	Số CS không yêu cầu khắc phục, xử lý			8	16																			8	16



**BẢNG 4. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH ĐIỂM ĐẢM BẢO ATVSTP
ĐỐI VỚI LOẠI HÌNH KINH DOANH THỨC ĂN ĐƯỜNG PHỐ CỦA TUYẾN HUYỆN**

(Kèm theo Báo cáo số 13 /BC-SYT ngày 17 /01/2019)

TT	Hoạt động		Đơn vị thực hiện									Tổng cộng		
			Quy Nhơn		Tuy Phước		Phù Mỹ		An Nhơn	Phù Cát	Hoài Nhơn		Hoài Ân	Tây Sơn
			P. Trần Phú	Nhơn Lý	TT. Tuy Phước	Phước Sơn	TT.Bình Dương	Mỹ Thọ						
1	Thông tin tuyên truyền													
1.1	Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền	Băng rôn	2	24	0	65	3	4	0	0	98			
		Tờ rơi, áp phích	0	2106	342	3990	214	0	0	710	7362			
		Xe loa	0	0	0	2	1	2	2	0	7			
		Pano/Phát thanh	2	0	90	0	24	1	1	50	168			
1.2	Tổ chức Hội nghị triển khai đề phổ biến KH	Lớp	2	2	2	2	1	1	1	1	12			
		Người	91	40	72	111	34	60	35	77	520			
1.3	Tập huấn chuyên môn cho CBQL tuyến xã	Lớp	2	1	2	1	1	1	1	1	10			
		Học viên	78	39	72	51	30	54	36	50	410			
1.4	Tập huấn và xác nhận kiến thức ATTP	Lớp	2	3	2	2	3	3	2	2	19			
		Người	95	132	110	212	135	145	100	151	1080			
1.5	Tổ chức khám sức khỏe	Người	94	132	110	195	118	145	100	86	980			
1.6	Tư vấn cho các cơ sở KD TẮDP	Cơ sở	84	132	110	212	95	100	50	80	863			
1.7	Tổ chức ký cam kết bảo đảmATTP	Cơ sở	84	132	110	195	95	100	50	74	840			
2	Giám sát, hướng dẫn; kiểm tra cơ sở													
2.1	Số cơ sở TẮDP		337	132	110	212	95	594	50	80	1610			
2.2	Số cơ sở được GS, KT		337	132	110	212	95	594	50	79	1609			
2.3	Số CS đạt		291	132	95	212	89	541	50	40	1450			
	Tỷ lệ CS đạt (%)		86.3	100	86	100	93,7	91	100	50,6	90.1			
2.4	Số CS vi phạm, trong đó:		46	0	15	0	0	53	0	55	169			
	Số cơ bị xử phạt		0	0	0	0	0	0	0	0	0			
	Số cơ sở nhắc nhở, yêu cầu khắc phục		46	0	15	0	0	53	0	55	169			
	Số cơ sở không khắc phục và đã đề xuất kiểm tra, xử lý		0	0	0	0	0	0	0	0	0			
	Số CS không yêu cầu khắc phục, xử lý		0	0	0	0	0	0	0	0	0			

TT	Hoạt động	Đơn vị thực hiện																						Tổng cộng	
		Quy Nhơn				Tuy Phước				Phù Mỹ				An Nhơn		Phù Cát		Hoài Nhơn		Hoài Ân		Tây Sơn			
		P. Trần Phú		Nhơn Lý		TT. Tuy Phước		Phước Sơn		TT.Bình Dương		Mỹ Thọ													
3	Kết quả, điều tra, đánh giá 10 tiêu chí (Tỷ lệ %)	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Trung bình đầu kỳ (%)	Trung bình cuối kỳ (%)
3.1	1. Nơi kinh doanh phải sạch, cách biệt nguồn ô nhiễm (công rãnh, rác thải, công trình vệ sinh...)	80	80	74	100	73	95	67	92	100	100	100	100	87	100	74	93	91	95	100	100	91	100	85	96
3.2	2. Bày bán thức ăn trên bàn/giá cao cách mặt đất ít nhất 60 cm.	83	90	74	100	78	96	68	96	20	91	89	100	70	100	67	94	98	99	100	100	96	100	77	97
3.3	3. Thức ăn được che đậy, bảo quản hợp vệ sinh, chống được ruồi, bụi bẩn, mưa, nắng và các loài côn trùng..	77	93	85	100	69	97	69	90	100	100	96	100	64	95	68	97	72	81	100	98	96	99	81	95
3.4	4. Không để lẫn giữa thực phẩm sống và thức ăn chín.	100	100	100	100	70	95	71	88	86	100	9	92	70	95	53	93	85	90	100	100	100	100	77	96
3.5	5. Có dụng cụ xúc, gắp thực phẩm sạch sẽ/găng tay sử dụng 1 lần khi tiếp xúc trực tiếp với thức ăn chín.	100	100	55	100	68	97	68	92	2	90	94	100	60	90	76	97	75	88	94	100	96	100	72	96
3.6	6. Bảo đảm có đủ nước và nước đá sạch phù hợp với quy định.	100	100	0	0	80	98	76	94	91	100	85	88	85	95	80	99	81	89	100	100	100	100	80	88
3.7	7. Người kinh doanh thức ăn đường phố phải được khám sức khỏe.	0	100	0	100	16	100	12	100	2	100	9	100	40	100	16	87	54	100	10	100	48	96	19	98
3.8	8. Người kinh doanh TẮĐP phải được xác nhận kiến thức về ATTP	0	100	0	100	16	100	12	100	0	100	6	100	40	92	14	100	53	100	4	100	58	100	18	99
3.9	9. Có sổ sách ghi chép nguồn gốc thực phẩm.	0	100	0	74	0	98	3	90	0	86	2	85	40	90	7	87	7	85	10	90	14	96	8	89
3.10	10. Có đủ dụng cụ, túi đựng chất thải, rác thải kín và hợp vệ sinh.	0	100	55	100	57	98	60	96	98	100	18	88	40	90	73	94	57	85	100	100	63	98	56	95
4	Kết quả điều tra kiến thức, thực hành của Chủ cơ sở																						Tổng cộng		
4.1	Số người	94				132				110				212		95		100		100		80		923	
4.2	Số đạt kiến thức	94				132				99				212		95		88		100		80		900	
	Tỷ lệ đạt (%)	100				100				90				100		100		88		100		100		97%	
4.3	Số đạt thực hành	88				132				98				212		89		91		100		80		890	
	Tỷ lệ đạt (%)	93.6				100				89				100		93.7		91		100		100		96%	